

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2019

V/v “*Kiên ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Kiên;

2. Bà Phạm Thị Dung;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2019/TLST - HNGĐ ngày 25/3/2019 về việc kiện “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự :

Nguyên Đơn anh Bàn Văn Đ - sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên Đ: Bà Liêu Thị T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị Đơn chị Bàn Thị B- Sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đ khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên Đơn Bàn Văn Đ trình bày: Anh và chị Bàn Thị B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi về chung sống với nhau được thời gian đến năm 1993 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng được gia đình bạn bè, thôn bản hòa giải nên lại tiếp tục chung sống hòa thuận. Tuy nhiên đến năm 2013 vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, trầm trọng nhất là năm

2015 vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè, thôn bản hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay anh Bàn Văn Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bàn Thị B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: Cháu Bàn Văn P sinh năm 1993, cháu Bàn Văn K sinh năm 1998. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Đ đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị Đ chị Bàn Thị B: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho chị Bàn Thị B nhưng chị Bàn Thị B không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ, vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên Đ có ý kiến: Vợ chồng anh Bàn Văn Đ và chị Bàn Thị B tự nguyện về chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay cuộc sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, anh Đ không còn tình cảm với chị B, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử không công nhận vợ chồng giữa anh Bàn Văn Đ và chị Bàn Thị B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn Đ và chị Bàn Thị B.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên Đ, bị Đ theo quy định.

Tại phiên tòa anh Bàn Văn Đ vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên Đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị Đơn chị Bàn Thị B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Bàn Thị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của anh Bàn Văn Đ trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Bàn Văn Đ và chị Bàn Thị B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy việc chung sống giữa anh Đ và chị B là tự nguyện nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh Đ và chị B là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau được thời gian đến năm 1993 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng anh chị được gia đình bạn bè, thôn bản hòa giải nên lại tiếp tục chung sống hòa thuận. Đến năm 2013 vợ chồng anh chị lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, trầm trọng nhất là năm 2015 vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè, thôn bản hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay anh Bàn Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh. được ly hôn với chị Bàn Thị B theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận Đ yêu cầu xin ly hôn của anh Bàn Văn Đ, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn Đ và chị Bàn Thị B là phù hợp khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: Cháu Bàn Văn Phương sinh năm 1993, cháu Bàn Văn Khải sinh năm 1998. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Bàn Văn Đ phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn Đ và chị Bàn Thị B.

2. Về án phí: Anh Bàn Văn Đ phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001506 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên Đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị Đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA